

CHUYÊN ĐỀ KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

TS. Vũ Văn Hòa

Nguyên Phó Tổng Kiểm toán nhà nước

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

1. Một số khái niệm

1.1. *Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, dự kiến nguồn vốn và mức vốn của chương trình đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

1.2. *Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, dự kiến nguồn vốn và mức vốn của dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

1.3. *Báo cáo nghiên cứu khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi, hiệu quả, nguồn vốn và mức vốn của chương trình, dự án đầu tư công làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

1.4. *Bộ, cơ quan trung ương và địa phương* là cơ quan, tổ chức được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công, bao gồm:

- a) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Bộ, cơ quan ngang Bộ...
- b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- c) Cơ quan, tổ chức khác được giao kế hoạch đầu tư công.

1.5. *Chủ chương trình* là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình đầu tư công.

1.6. *Chủ đầu tư* là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công.

1.7. *Chủ trương đầu tư* là quyết định của cấp có thẩm quyền về những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án đầu tư, làm căn cứ để lập, trình và phê duyệt quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công.

1.8. *Chương trình đầu tư công* là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.9. *Chương trình mục tiêu quốc gia* là chương trình đầu tư công nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của từng giai đoạn cụ thể trong phạm vi cả nước.

1.10. *Cơ quan chủ quản* là Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quy định tại khoản 4 Điều này quản lý chương trình, dự án.

1.11. *Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công* là đơn vị có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đơn vị được giao quản lý đầu

tư công của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

1.12. *Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công* bao gồm Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các cấp.

1.13. *Dự án đầu tư công* là dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công.

1.14. *Dự án đầu tư công khẩn cấp* là dự án đầu tư công nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

1.15. *Đầu tư công* là hoạt động đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của Luật ĐTC.

1.16. *Hoạt động đầu tư công* bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

1.17. *Kế hoạch đầu tư công* là một tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án ĐTC; cân đối nguồn vốn đầu tư công, phương án phân bổ vốn, các giải pháp huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

1.18. *Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư* là các hoạt động để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

1.19. *Nhiệm vụ quy hoạch* là các hoạt động được thực hiện để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

1.20. *Nợ động xây dựng cơ bản* là giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có vốn bố trí cho phần khối lượng thực hiện đó.

1.21. *Phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư công* là xác định quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động đầu tư công.

1.22. *Vốn đầu tư công* quy định tại Luật này bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

1.23. *Vốn ngân sách trung ương* là vốn chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.24. *Vốn ngân sách địa phương* là vốn chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.25. *Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương* là vốn thuộc NSTW bổ sung cho địa phương để đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối tượng đầu tư công

1. Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội.

4. Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.

5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng quy định tại khoản này.

3. Phân loại dự án đầu tư công

1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;

b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này.

2. Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C theo tiêu chí quy định tại các điều 7, 8, 9 và 10 của Luật này.

4. Tiêu chí phân loại dự án (quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C), quy định tại Điều 7, 8, 9, 10 Luật ĐTC

5. Chi phí đầu tư và kết quả đầu tư

5.1. Chi phí đầu tư

Chi phí đầu tư, nói một cách chung nhất là mọi nguồn lực (tiền vốn, đất đai, tài sản, lao động, trí tuệ...) được sử dụng cho hoạt động đầu tư (bao gồm việc tạo ra TSCĐ, phương tiện và các điều kiện và các điều kiện để bảo đảm bảo hoạt động bình thường.

Theo tính chất các loại chi phí có thể chia ra làm 2 loại chính:

(1) *Chi phí đầu tư cố định*, bao gồm:

Đất đai, nhà xưởng, máy móc, thiết bị; các cơ sở phụ trợ, tiện ích khác và các chi phí trước vận hành.

Phần chi phí trước vận hành tuy không trực tiếp tạo ra tài sản, phương tiện phục vụ cho hoạt động đầu tư, nhưng là các chi phí gián tiếp hoặc liên quan đến việc tạo ra và vận hành khai thác các tài sản đó để đạt được mục tiêu đầu tư. Chi phí này thường xuất hiện cho các khoản: (1) chi phí công tác chuẩn bị ban đầu, phát triển dự án như điều tra, khảo sát để lập, trình duyệt dự án, (2) chi phí cho tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện dự án, (3) chi phí quản lý dự án, (4) chi phí chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, (5) các

chi phí tài chính khác như phí thu xếp tài chính, phí cam kết, phí bảo lãnh, lãi vay...

(2) Chi phí vốn lưu động ban đầu: Là chi phí để tạo ra các tài sản lưu động ban đầu, bảo đảm các điều kiện tối thiểu cho các dự án đi vào hoạt động bình thường, bao gồm các khoản:

Dự trữ vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu cho một chu kỳ sản xuất kể cả các dự trữ bảo hiểm cần thiết.

Dự trữ bán thành phẩm, thành phẩm tồn kho

Các khoản thuộc quỹ tiền mặt

Tuỳ thuộc vào tính chất, đặc điểm của từng dự án mà có thể có hoặc không chi phí vốn lưu động ban đầu.

5.2. Kết quả đầu tư

Kết quả đầu tư biểu hiện sự đạt được các dự tính ban đầu của dự án đầu tư, bao gồm mục tiêu, nhiệm vụ của dự án dưới dạng các lợi ích cụ thể.

Một dự án đầu tư đạt được kết quả tốt sẽ được thể hiện trong 3 nội dung:

- Kết quả tài chính: đó chính là việc đã đạt hiệu quả cao về lợi ích tài chính trong quá trình thực hiện dự án cũng như trong sản xuất kinh doanh.

- Kết quả về kinh tế: đó chính là việc đã tạo ra phần của cải vật chất, trực tiếp đóng góp cho phát triển; đồng thời, tạo sức lan tỏa và có mối tác động tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế trong một vùng, một ngành nào đó.

- Kết quả về xã hội: đó chính là việc đã tạo ra những điều kiện giải quyết các vấn đề về xã hội như công ăn việc làm, nâng cao dân trí...

6. Nguồn vốn ĐTC ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Vốn Ngân sách đầu tư cho các công trình của các Bộ, ngành trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh, thành phố (hệ thống các quốc lộ; các công trình thủy lợi quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, phạm vi ảnh hưởng lớn, các trường Đại học lớn, các bệnh viện do Trung ương quản lý.).

- Vốn đầu tư cân đối NSNN, bao gồm cả nguồn thu từ đất, XSKT.

- Vốn bổ sung theo mục tiêu từ NSTW cho địa phương (bao gồm vốn ODA, hỗ trợ đối ứng ODA, các khoản hỗ trợ theo mục tiêu khác)

- Vốn Ngân sách để lại cho địa phương đầu tư phát triển.

- Vốn tín dụng đầu tư của các công trình do các cơ quan trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, thành phố.

- Vốn huy động trong khu vực dân cư...

II. QUY TRÌNH PHÂN BỐ VÀ TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐTC

1. Nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch đầu tư từ NSNN

Một là, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh và cho việc phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhà nước sẽ cấp phát vốn

đầu tư từ ngân sách cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, phát triển nguồn nhân lực không có khả năng thu hồi vốn hoặc thu hồi vốn rất chậm.

Hai là, tạo sức hút các nguồn vốn khác cùng tham gia đầu tư vào mục tiêu công cộng. Trong trường hợp này, vốn của Nhà nước đóng vai trò tác nhân thúc đẩy, do vậy cần phải sử dụng thật có hiệu quả, các dự án của nguồn vốn Nhà nước phải có sức lan toả và thu hút cao.

Ba là, hỗ trợ đầu tư cho các vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa. Đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình mục tiêu khác. Hỗ trợ đầu tư xoá đói giảm nghèo... Hỗ trợ đầu tư phát triển mới doanh nghiệp Nhà nước trong một số lĩnh vực then chốt mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không muốn đầu tư.

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư công (Điều 35, Luật ĐTC)

1) Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

b) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư;

b) Dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3) Trường hợp điều chỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án, thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật ĐTC.

4) Chính phủ quy định việc phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư phù hợp với quy định về quyền tự chủ tài chính của các cơ quan, đơn vị.

5) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, địa phương quyết định đầu tư chương trình, dự án chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư các chương trình, dự án được phê duyệt.

3. Quy trình phân bổ, tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư công

3.1. Nguyên tắc chung

Trong quá trình cân đối vốn đầu tư từ ngân sách tuân thủ các yêu cầu và nguyên tắc sau đây:

(1) Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tỷ lệ điều tiết ngân sách nhà nước sẽ ổn định từ 3 năm đến 5 năm.

(2) Bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời phải được quản lý chặt chẽ theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

(3) Bảo đảm thực hiện có hiệu quả vốn đầu tư, tạo sức hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn vốn khác để bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn đầu tư trong toàn xã hội nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

(4) Bảo đảm tính công bằng, công khai, hiệu quả, tạo tiền đề cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lý.

Đối với các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, khi cân đối vốn đầu tư cần phải đảm bảo nguyên tắc:

- Tốc độ tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước trong cân đối (không bao gồm các nguồn được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương) của từng tỉnh, thành phố phải cao hơn tốc độ tăng chi thường xuyên và tăng hơn tốc độ tăng chi ngân sách của tỉnh, thành phố.

- Tổng mức chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước trong cân đối (không bao gồm các nguồn được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương) của từng tỉnh, thành phố năm sau phải cao hơn năm trước.

3.2. Quy trình phân bổ nguồn vốn đầu tư từ NSNN

Trên cơ sở định hướng chung, trước mắt ổn định trong những năm đầu thực hiện Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến thực hiện cân đối vốn đầu tư công theo quy trình như sau:

Bước 1. Xác định các khoản chi có tính chất chung trong tổng vốn chi cho đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách:

Trên cơ sở bảng cân đối thu - chi ngân sách đã được xác định, tính toán các khoản chi chung (chi cho phát triển) mà cả đầu tư trung ương và địa phương đều được thụ hưởng (không tính riêng theo đơn vị quản lý); các khoản này đều được thể hiện trong bản cân đối ngân sách và được Quốc hội thông qua, bao gồm: Bổ sung Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu; Góp vốn cổ phần các Quỹ; Bù lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; Chi bổ sung dự trữ nhà nước; Chi bổ sung vốn lưu động của các DNNN; Một số khoản chi khác.

Phần chi cho đầu tư xây dựng cơ bản thể hiện trong bảng cân đối ngân sách nhà nước, bao gồm cả vốn trong nước và vốn ngoài nước. Vốn ngoài nước chính là phần vốn ODA đưa vào ngân sách để đầu tư.

Bước 2. Xác định các khoản đầu tư theo chương trình mục tiêu và các khoản hỗ trợ đầu tư thực hiện các đề án, các dự án, các chương trình, các Quyết định, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước

Bước 3. Xác định **tổng mức vốn** đầu tư để cân đối cho các bộ ngành trung ương và các tỉnh thành thực hiện các mục tiêu của kế hoạch:

Bước 4. Xác định **mức chi ngân sách đầu tư** cho các Bộ, ngành, tỉnh, thành, phố trực thuộc.

Căn cứ để cân đối vốn cho các ngành, các địa phương:

- Thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đã được hoạch định trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ.

- Tuân thủ tiêu chí cân đối chi đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với các tỉnh và thành phố:

- Bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, có hiệu quả.

Bước 5. Tổng hợp, hoàn chỉnh và báo cáo kế hoạch cân đối vốn đầu tư theo quy định hiện hành và giao kế hoạch đầu tư XDCHB sau khi Quốc hội thông qua.

Bước thứ 6. Triển khai phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư ở các Bộ ngành và địa phương.

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, các Bộ ngành triển khai các công việc sau:

+ Phân bổ cụ thể vốn đầu tư cho từng dự án thuộc nhóm A theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ giao;

+ Lựa chọn các dự án thuộc nhóm B và C để bố trí trong kế hoạch năm, phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án theo đúng qui hoạch, theo đúng định hướng, đúng mục tiêu đề ra, có đủ các thủ tục về đầu tư và xây dựng.

+ Tiến hành giao kế hoạch cho các đơn vị cơ sở để triển khai thực hiện. Theo qui định phải giao kế hoạch trước ngày 31/12 năm trước năm kế hoạch.

3.3. Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho các địa phương (3 CTMTGQ: Xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2025; Giảm nghèo và ASXH bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; chương trình dự án và một số chương trình mục tiêu khác, như Chương trình nước sạch và VSMTNT; Chương trình giáo dục và đào tạo; Chương trình văn hoá...)

III. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÔNG

1. Hoạt động giám sát trong lĩnh vực đầu tư công

(1) Ở Trung ương, Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội thực hiện chức năng giám sát NSNN trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản thông qua bản cân đối vốn đầu tư từ ngân sách, các tiêu chí phân bổ, mục tiêu bố trí đầu tư ngân sách cho đầu tư; cơ cấu đầu tư theo ngành, vùng lãnh thổ. Đồng thời giám sát việc sử dụng NSNN qua việc thực hiện một số các dự án lớn. Nội dung công tác giám sát bao gồm khâu kiểm tra, theo dõi, phát hiện vấn đề, chất vấn các cơ quan Chính phủ trả lời và kiến nghị các giải pháp tiếp theo để thực hiện tốt các nhiệm vụ.

(2) Ở địa phương, các Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh, thành phố, quận huyện đã được Hội đồng nhân dân thông qua; giám sát NSNN trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản thông qua việc phân bổ các nguồn vốn đầu tư ở các tỉnh, thành phố. Đồng thời giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước qua việc thực hiện một số các dự án lớn của địa phương và tham gia giám

sát việc sử dụng NSNN qua việc thực hiện một số các dự án lớn của Trung ương trên địa bàn.

Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường như sau:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền;

b) Quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi NSDP và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán NSDP trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán NSDP. Quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật...;

Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường như sau:

a) Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của huyện theo quy định của pháp luật;...

2. Yêu cầu giám sát hoạt động đầu tư công

(1) Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng phải được tổ chức chặt chẽ với sự tham gia rộng rãi của các tổ chức xã hội và cùng đồng thời hoạt động trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

(2) Thực hiện việc phối hợp liên ngành, liên vùng trong công tác giám sát Tham gia và. quá trình giám sát và đánh giá, ngoài các cơ quan của Quốc hội, các đoàn Đại biểu Quốc hội ở các tỉnh, thành phố; các cơ quan của Hội đồng nhân dân; còn có thể huy động thêm các cơ quan thanh tra của Chính phủ ở Trung ương và địa phương; các các tổ chức Đoàn thể quần chúng; cộng đồng dân cư ở địa phương. Trong quá trình giám sát và đánh giá cần tổ chức việc lấy ý kiến của người dân; thực hiện quy chế giám sát cộng đồng để đưa ra những kết luận và những khuyến nghị thoả đáng.

(3) Giám sát NSNN trong lĩnh vực đầu tư xây dựng được tiến hành thường xuyên song song với việc điều hành thực hiện kế hoạch, coi đây là nhiệm vụ của

các cơ quan có chức năng chứ không phải khi phát hiện ra tiêu cực mới tiến hành giám sát, kiểm tra..

(4) Nắm vững các thông tin về những đối tượng (dự án, công trình, chương trình) dự định chọn giám sát. Các thông tin đó sẽ được các cơ quan quản lý như chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu, các cơ quan tư vấn thiết kế, giám sát công trình... cung cấp đầy đủ trong quá trình giám sát.

3. Nội dung giám sát của HĐND trong đầu tư công

Việc giám sát hoạt động đầu tư công cần bám sát các nội dung sau:

(1) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, quận, huyện về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước ở địa phương, bao gồm:

- Tổng khối lượng vốn đầu tư từ ngân sách, trong đó:
 - + Tổng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách.
 - + Vốn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình mục tiêu khác.
 - + Ngân sách để lại các khoản thu cho các tỉnh thành phố đầu tư,
 - + Các khoản vốn ngoài cân đối khác.
- Cơ cấu đầu tư, bao gồm cơ cấu đầu tư theo ngành, cơ cấu đầu tư theo địa bàn lãnh thổ của tỉnh thành phố.
- Danh mục các dự án đầu tư, bao gồm việc bố trí vốn cho từng dự án; các dự án quan trọng của địa phương.
- Các cơ chế chính sách và các giải pháp thực hiện chương trình đầu tư.

(2) Giám sát quá trình chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm đã được HĐND thông qua, bao gồm:

- Quy hoạch đầu tư
- Chủ trương đầu tư
- Việc áp dụng và chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, của ngành và địa phương áp dụng đối với dự án
- Việc chấp hành các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, tổng dự toán, dự toán; công tác đấu thầu; điều kiện khởi công xây dựng; việc bố trí kế hoạch huy động và sử dụng vốn của dự án; việc thực hiện tiến độ, tổ chức quản lý dự án; các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

(3) Giám sát chi phí tài chính, thanh quyết toán trong quá trình thực hiện dự án; đánh giá dựa vào kết quả đầu ra của dự án; bao gồm đánh giá hiệu quả kinh tế, tài chính; sức lan tỏa và mối tác động của dự án đầu tư trong việc thúc đẩy phát triển của vùng, của ngành; kết quả về xã hội. Đối chiếu nội dung và kết quả

thực hiện đầu tư với quyết định ban đầu để thấy rõ những sai lệch, điều chỉnh các yếu tố của dự án trong quá trình thực hiện đầu tư.

Các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN, vốn tín dụng Nhà nước phải được thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Trước khi phê duyệt quyết toán, phải thẩm tra. Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định tổ chức thẩm tra. Có thể thuê tổ chức kiểm toán độc lập hoặc tự tổ chức thẩm tra.

Cơ quan cấp vốn, cho vay có trách nhiệm xác nhận số vốn đã cấp, cho vay. Tổ chức kiểm toán thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm toán.

- Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán các dự án do TTCP quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Các dự án còn lại thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư được tính trong tổng dự toán được duyệt.

(4) Giám sát việc thực hiện các cơ chế chính sách và giải pháp đã được Hội đồng nhân dân thông qua; tác động việc thực hiện các cơ chế chính sách về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đến chất lượng và hiệu quả công tác đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Các hoạt động giám sát của HĐND theo Điều 57 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND:

- Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp...

- Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

- Xem xét quyết định của UBND cùng cấp, nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp.

- Giám sát chuyên đề

- Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân (Điều 104 Luật TCCQP):

- Triệu tập các kỳ họp của HĐND; phối hợp với UBND trong việc chuẩn bị kỳ họp của HĐND;

- Đôn đốc, kiểm tra UBND và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của HĐND;

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương...

Thẩm quyền giám sát của Thường trực HĐND, theo tiết b, khoản 1, Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND cùng cấp; giám sát hoạt động của UBND và các cơ quan thuộc UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân...

- Giám sát quyết định của UBND cùng cấp, nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp; giúp HĐND thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của HĐND.

4. Khung kết quả giám sát đầu tư công

Khung giám sát kết quả hoạt động NSNN thông qua đầu tư công là khung giám sát tổng hợp cho phép đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng và tình hình thực hiện NSNN theo tiến độ của quá trình hoạt động đầu tư.

Thực hiện khung giám sát này sẽ làm rõ ràng thêm những lập luận trong bản thẩm tra kế hoạch ngân sách nói chung và kế hoạch đầu tư công bằng vốn ngân sách của tỉnh, thành phố.

	Những chỉ số giám sát	Những kết luận đưa ra
1	Tỷ trọng chi NS cho đầu tư xây dựng trong tổng chi NS của tỉnh, thành phố	Tính hợp lý và minh bạch của bản cân đối NS
2	Các nguồn vốn NS trong cân đối và ngoài cân đối chi cho đầu tư xây dựng của tỉnh, thành phố	Tính hiện thực và khả năng huy động để cân đối
3	Tổng số vốn đầu tư của ngân sách dùng trả nợ khối lượng năm trước	Tính minh bạch của khối lượng nợ XDCB (nợ trong KH, ngoài kế hoạch)
4	Số vốn ngân sách thực chi cho đầu tư xây dựng cơ bản trong năm kế hoạch	Tính hợp lý trong cơ cấu VĐT tác động đến việc thực hiện các mục tiêu
6	Cơ cấu thực và khối lượng vốn đầu tư phân theo các ngành kinh tế-xã hội	Tác động đến việc hoàn thành các mục tiêu phát triển của tỉnh, thành phố
7	Cơ cấu thực và khối lượng vốn đầu tư phân bổ cho các quận, huyện, thị xã trong tỉnh, thành phố	Tính hợp lý và các mối tác động kinh tế - xã hội liên quan
8	Danh mục các công trình trọng điểm đầu tư của tỉnh, thành phố, tổng vốn và tiến độ đầu tư	Tính cấp thiết, chủ trương đầu tư; khả năng tập trung vốn
9	Danh mục các dự án đầu tư trong kỳ kế hoạch, bao gồm các dự án chuyên tiếp, các dự án khởi công mới	Tính hợp lý trong bố trí sắp xếp ưu tiên các dự án đầu tư, tập trung, dàn trải và hiệu quả sử dụng vốn
10	Mức độ tác động các dự án, chương	Kết luận thông qua các kiến nghị của

	trình đầu tư đến việc sử dụng đất đai, tác động môi trường sinh thái và đời sống các tầng lớp dân cư	cộng đồng dân cư
11	Thực hiện các dự án chương trình đầu tư	Tính minh bạch và hiệu quả trong việc chi phí đầu tư ở tất cả các khâu từ giải phóng mặt bằng, đấu thầu thiết kế, thi công, nghiệm thu, duy tu, bảo dưỡng công trình....
12	Sử dụng các khoản bổ sung ngân sách trong quá trình thực hiện kế hoạch NS và kế hoạch đầu tư trong năm KH	Tính công khai, minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn NS bổ sung

Qua hệ thống giám sát này, sẽ hình thành bản báo cáo thẩm tra trình cho Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân theo định kỳ, chuyên đề hay đột xuất; với những nội dung chủ yếu như sau:

- Độ tin cậy của kế hoạch ngân sách và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn ngân sách thông qua các dự báo các nguồn thu và các khoản chi trong bản cân đối ngân sách

- Tính minh bạch và tính toàn diện của ngân sách và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn ngân sách thông qua cách tiếp cận với nguồn thông tin nhiều chiều từ các cơ quan chính phủ cấp trên, cấp dưới và cộng đồng về ngân sách

- Bình luận về tính hiệu quả việc phân bổ và sử dụng ngân sách cho chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

- Đề xuất các giải pháp tiếp theo để điều chỉnh bản cân đối ngân sách hoặc đề xuất kiến nghị bổ sung tài trợ từ các nguồn cho việc thiếu hụt ngân sách nhằm thực hiện các mục tiêu.

5. Một số các sai sót thường gặp trong hoạt động đầu tư công

Các sai sót	Nguyên nhân	Nội dung giám sát
1. Chủ trương đầu tư sai, đầu tư theo phong trào, người ra quyết định đầu tư không chỉ rõ vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án đầu tư	Chất lượng các quy hoạch phát triển ngành, vùng, tỉnh thành phố không cao, duy ý chí, chưa làm cơ sở cho việc hoạch định đầu tư. Người ra quyết định đầu tư không dựa vào quy hoạch đã được phê duyệt. Quy hoạch thiếu cập nhật hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình. Dự báo sai về tác động thị trường đến đầu vào và đầu ra của dự án đầu	Giám sát từ khâu xây dựng quy hoạch và khâu bố trí kế hoạch đầu tư, xem xét từng dự án có phù hợp với quy hoạch đã được duyệt hay không? Xem xét quy hoạch cứng (kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội) và quy hoạch mềm (các ngành sản xuất kinh

	tư. Khi xem xét một dự án đầu tư người có thẩm quyền quyết định đầu tư chỉ quan tâm đến đầu vào của dự án, không quan tâm đến đầu ra, nên dự án không có hiệu quả	doanh). Đối với quy hoạch mềm, cần xem xét yếu tố đầu ra của dự án
2. Bố trí chương trình đầu tư không đúng với mục tiêu đã được HĐND thông qua. Cơ cấu đầu tư và bố trí từng nguồn vốn đầu tư cho các công trình chưa theo đúng với quy chế hiện hành. Việc sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư chưa chính xác, tiêu chí không rõ ràng. Các nguồn vốn ngoài cân đối của địa phương không được kế hoạch hoá đầy đủ và cụ thể	Chưa giải quyết được các cặp mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa thực trạng yếu kém của cơ sở vật chất kỹ thuật và khả năng nguồn vốn đầu tư của ngân sách; mâu thuẫn giữa yêu cầu cấp bách trước mắt và lâu dài; mâu thuẫn giữa điểm và diện trong bố trí các dự án đầu tư từ vốn ngân sách... Chưa có chính sách đặc thù để khai thác nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư	Tổ chức giám sát trong quá trình tập hợp nhu cầu đầu tư và khả năng cân đối các nguồn vốn ngân sách của tỉnh, thành phố. Giám sát việc xây dựng các tiêu chí để sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên đầu tư. Giám sát thực hiện mục tiêu đầu tư theo quyết định của HĐND.
3. Phân bổ nguồn vốn đầu tư cho các công trình sai, có nhiều công trình chưa đủ thủ tục. Nhiều dự án nhóm A đã thực hiện quá 30% tổng mức đầu tư nhưng chưa phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán. Không tập trung cho công trình trọng điểm đã được HĐND thông qua. Danh mục đầu tư dàn đều. Chưa chấp hành đầy đủ quy định việc bố trí vốn cho các dự án (nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 4 năm, nhóm A không quá 6 năm). Nợ khối lượng XDCB.	Không chấp hành đầy đủ các quy chế, quy phạm và pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Tình trạng nể nang, cục bộ, bản vị... dẫn đến đầu tư phân tán, chia đều. Việc bố trí dàn đều nguồn vốn và công trình chưa được khắc phục. Ý thức chấp hành các Nghị quyết của HĐND chưa nghiêm. Bố trí tùy tiện những công trình chưa có kế hoạch được duyệt hoặc không đúng với quy hoạch của ngành; còn dễ dãi trong việc ứng trước nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư.	Giám sát chặt chẽ việc bố trí nguồn vốn đầu tư cho từng dự án đầu tư. Các cơ quan kế hoạch và các cơ quan tham mưu khác của tỉnh thành phố phải thuyết minh rõ ràng các căn cứ bố trí nguồn vốn cho từng dự án Giám sát chặt chẽ việc thực hiện thủ tục đầu tư và các cơ chế quản lý đầu tư. Cương quyết đưa lĩnh vực đầu tư từ nguồn vốn NSNN vào nề nếp
4. Quy mô dự án đầu tư không phù hợp, thiết kế tổng dự toán đầu tư không chính xác. Chất lượng công tác tư vấn về đầu tư và xây dựng còn nhiều khoảng thiếu tính toán có căn cứ chuẩn xác;	Chất lượng và trình độ các tổ chức tư vấn kém. Công tác thẩm tra thẩm định các dự án đầu tư còn nhiều thiếu sót, bất cập. Các cơ chế ràng buộc trách nhiệm giữa các tổ chức tư vấn	Giám sát việc tổ chức đấu thầu lựa chọn tư vấn, đánh giá năng lực của các tổ chức làm dịch vụ tư vấn, chất lượng tư vấn của các tổ chức làm dịch vụ trong từng vấn đề cụ

dẫn đến nhiều tiêu cực trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách cho đầu tư	đầu tư và xây dựng với các chủ đầu tư còn lỏng lẻo	thể; khả năng tổ chức công việc của các tổ chức tư vấn. Chống khép kín trong một bộ, một ngành trong việc chọn tổ chức tư vấn
5. Quá trình thực hiện dự án có nhiều sai sót, thông thầu, bán thầu... Chỉ định thầu sai nguyên tắc, giải phóng mặt bằng có nhiều tiêu cực, dây dưa, chi tiêu các khoản mục và hạn mục đầu tư không đúng với thiết kế, tổng dự toán, thông đồng với nhà thầu trong việc khai khống khối lượng đầu tư để thanh toán...	Chấp hành không nghiêm các Luật, các Nghị định, chỉ thị các cơ chế chính sách về quản lý đầu tư và xây dựng đã ban hành. Tính khép kín của một bộ, một ngành trong chu trình hoạt động đầu tư của một dự án; từ khâu tư vấn đầu tư, tổ chức đấu thầu, chọn thầu, đơn vị thi công được tham gia đấu thầu và trúng thầu, hệ thống theo dõi, giám sát kỹ thuật quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình...	Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cơ chế chính sách luật pháp về đầu tư xây dựng; nhất là việc đấu thầu xét thầu và quyết định trúng thầu. Giám sát việc chi tiêu ngân sách trong các hạng mục công trình được duyệt. Các chủ đầu tư, các Ban QLDA phải giải trình đầy đủ những vụ việc trong thi công làm giảm hoặc vượt nguồn vốn đầu tư...
6. Khâu quyết toán công trình có nhiều sai sót. Tài liệu kế toán công trình, biên bản nghiệm thu, khối lượng đầu tư từng hạn mục không rõ ràng. Việc thực hiện hợp đồng giữa nhà thầu và chủ đầu tư còn nhiều sai sót... Kết quả đầu ra của dự án không đúng với dự kiến ban đầu, dự án kém hiệu quả, thậm chí không hoạt động, chất lượng công trình thấp.	Thiếu sự kiểm tra giám sát của các chủ đầu tư và các cơ quan chức năng khác trong hệ thống thanh tra giám sát của Chính phủ và giám sát cộng đồng. Buông lỏng công tác quản lý của các chủ đầu tư và các Ban quản lý Dự án đối với các nhà thầu. Thiếu trách nhiệm chỉ đạo điều hành đầu tư xây dựng cơ bản, trong việc nghiệm thu công trình	Giám sát chặt khâu quyết toán công trình, phát hiện những sai sót trong từng giai đoạn, từng khâu thanh toán khối lượng công trình. Các chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án, các nhà thầu lần lượt trình bày những vụ việc xảy ra cho cơ quan giám sát việc thực hiện toàn bộ quá trình đầu tư của dự án.

IV. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Nguyên nhân lý do mà hầu hết các địa phương bộ, ngành đều bố trí vốn cho các dự án đầu tư chưa theo đúng quy định tại Điều 52 Luật ĐTC. Đề xuất giải pháp khắc phục.

2. Thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

3. Theo quy định của Luật ĐTC thì thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thuộc về HĐND các cấp. Khi nào HĐND quyết định việc giao cho UBND quyết định chủ trương đầu tư.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Đầu tư công
2. Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước
3. Luật số 62/2020 hợp nhất với Luật Xây dựng số 50/2014
4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương
5. Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
6. Một số bài viết trên mạng...

KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VÀ RA QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND

Ngô Tự Nam
Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội

Điều 113 Hiến pháp 2013 quy định:

“1. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân”.

Giám sát và quyết định là những nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Hội đồng nhân dân và của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Hiệu quả của hoạt động giám sát, của hoạt động xem xét, quyết định những nội dung quan trọng được bảo đảm bằng việc Hội đồng nhân dân, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp đầy đủ thông tin, để trên cơ sở đó có sự phân tích, tổng hợp thông tin một cách khoa học, phục vụ có hiệu quả hoạt động giám sát, hoạt động xem xét và quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương.

“Trong bối cảnh phát triển công nghệ thông tin hiện nay, thông tin không thiếu, chỉ thiếu khả năng phân tích, tổng hợp thông tin mà thôi”.

1- Hoạt động giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân

1.1 Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân:

Giám sát của Hội đồng nhân dân bao gồm giám sát của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp, giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát.

Thẩm quyền giám sát của Hội đồng nhân dân:

- Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan hi hành án dân sự cùng cấp và Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp;

- Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan hi hành án dân sự cùng cấp và Hội đồng nhân dân cấp dưới; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp; giúp Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân;

- Ban của Hội đồng nhân dân giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan hi hành án dân sự cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách;

- Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc về vấn đề do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm

sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương.

- Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tiến hành giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở địa phương.

Các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân bao gồm:

- Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan hi hành án dân sự cùng cấp và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

- Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

- Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Giám sát chuyên đề.

- Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

+ Tham gia giám sát.

+ Tham gia là thành viên các đoàn giám sát.

+ Tự mình tiến hành hoạt động giám sát.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho các chủ thể giám sát và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu cung cấp.

1.2 Hoạt động xem xét và quyết định các vấn đề quan trọng

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh (Điều 19), nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện (Điều 26), nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã (Điều 33), nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương (Điều 40), nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân quận (Điều 47), nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (Điều 54), nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường (Điều 61), nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thị trấn (Điều 68), đều quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp trong hoạt động giám sát và xem xét, quyết định những nội dung quan trọng trong các lĩnh vực như: tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; xây dựng chính quyền; lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường; lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao; lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội; công tác dân tộc, tôn giáo; lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.

Như vậy, có thể thấy tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, Hội đồng nhân dân đều có trách nhiệm giám sát và quyết định.

1.3 Các lĩnh vực giám sát:

- + Kinh tế xã hội...
- + Các văn bản quy phạm pháp luật
- + Khiếu nại, tố cáo của công dân

1.4 Các vấn đề xem xét và quyết định của Hội đồng nhân dân:

Như trên đã nêu, Luật quy định Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, cho nên Luật cũng trao quyền cho Hội đồng nhân dân quyết định nội dung, biện pháp thực hiện mọi nhiệm vụ trên mọi lĩnh vực của đời sống ở địa phương.

2- Khái niệm thông tin và những loại thông tin mà Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp và thu thập được

2.1 Thông tin là gì?

Luật Tiếp cận thông tin (Luật số 104/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016) quy định:

“Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra”.

Câu hỏi: Đề nghị đại biểu cho biết ý kiến về quy định nêu trên

2.2 Các đặc trưng cơ bản của thông tin:

+ *Tính thực tế:* Thông tin thực tế là những thông tin có thật trong đời sống và được chứng thực có căn cứ.

+ *Tính hoàn thiện:* Thông tin hoàn thiện là thông tin có đầy đủ dữ liệu. Đặc trưng này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá chất lượng thông tin.

+ *Độ tin cậy:* Thông tin có độ tin cậy là thông tin chứa nội dung đúng đắn và không bị mâu thuẫn với các thông tin từ các nguồn khác.

+ *Tính liên quan:* Thông tin liên quan là những thông tin có ích cho một mục tiêu cụ thể. Đặc trưng này cũng ảnh hưởng đến độ tin cậy của thông tin vì khi một thông tin chứa các dữ liệu không liên quan tới nhau, thì sẽ có độ tin cậy thấp hơn.

+ *Tính kịp thời:* Thông tin kịp thời là thông tin được cập nhật mới liên tục theo đúng thực tế.

2.3 Vai trò của thông tin:

Thông tin có vai trò rất quan trọng:

+ Thông tin luôn đóng vai trò quan trọng và mang tính quyết định trong mọi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Thông tin giúp cho đại biểu phát hiện và quyết định vấn đề và đối tượng giám sát; xem xét và quyết định vấn đề mà Hội đồng nhân dân bàn.

+ Số lượng và chất lượng thông tin quyết định đến chất lượng, kết quả giám sát và việc ra quyết định của Hội đồng nhân dân.

Một ví dụ về tầm quan trọng của thông tin: *“Có lần, nhận được báo cáo tình báo cực kỳ chính xác về phương thức và hình thái tác chiến của địch do nhà tình*

báo Phạm Xuân Ẩn gửi ra, đại tướng Võ Nguyên Giáp phải reo lên sung sướng “như đang ở ngay trong Phòng Điều hành Tác chiến của Mỹ”.

2.4 Đối với Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân, thông tin có từ:

+ Thông tin được các cơ quan chức năng cung cấp theo quy định

Điều 99 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân trong việc yêu cầu cung cấp thông tin:

“1. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức cá nhân đó”.

Điều 99 cũng quy định:

“2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu theo quy định của pháp luật”.

+ Thông tin từ các cuộc tiếp xúc cử tri, từ hoạt động khảo sát.

+ Thông tin do đại biểu thu thập được; thông tin từ cơ quan tham mưu giúp việc cho Hội đồng nhân dân thu thập được.

+ Thông tin thu thập được từ các cơ quan truyền thông đại chúng.

+ Thông tin qua khai thác mạng Internet.

3- Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Thu thập thông tin là hoạt động có mục đích của đại biểu Hội đồng nhân dân. Thu thập thông tin là một quá trình thông qua các hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân. Mỗi đại biểu sẽ có các cách tiếp cận thông tin, phân tích và tổng hợp thông tin khác nhau.

Xử lý thông tin đóng vai trò quan trọng. Xử lý thông tin tốt sẽ giúp cho Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân có những quyết định, kết luận chính xác.

3.1 Sử dụng tốt khối lượng thông tin được các cơ quan chức năng cung cấp theo quy định:

Nguồn thông tin này có một số đặc điểm sau:

- + Có sẵn, số lượng lớn, đủ chủng loại, không tốn thời gian, kinh phí thu thập.
- + Không phải kiểm tra về tính hợp pháp, tính chính thống.
- + Hệ thống lại và xử lý thông tin để sử dụng tương đối thuận lợi, ít phức tạp.
- + Nguồn thông tin luôn mở để đại biểu có thể yêu cầu cung cấp thêm.

Khi nhận loại thông tin này, đại biểu cần phân loại và hệ thống các thông tin vào những vấn đề mà đại biểu quan tâm, đại biểu có thể yêu cầu cung cấp thêm như quy định tại Điều 99 Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã nêu trên; phát hiện những thông tin không chuẩn xác; chọn lựa vấn đề từ sự phát hiện của đại biểu để tiếp tục yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, hoặc đại biểu tự mình thu thập thông tin từ các nguồn khác. Từ đó hoàn chỉnh thông tin có được và sử dụng các kết quả đó trong hoạt động giám sát, trong hoạt động xem xét và quyết định các nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.

3.2 Thu thập và xử lý thông tin thu được qua tiếp xúc cử tri và khảo sát thực tiễn

Thông tin thu được qua tiếp xúc cử tri và qua hoạt động khảo sát thực tiễn của đại biểu có giá trị rất quan trọng vì:

- + Là thế mạnh của đại biểu Hội đồng nhân dân, bổ sung quan trọng cho lượng thông tin mà đại biểu được cung cấp từ các cơ quan chức năng và đơn vị được giám sát.
- + Nguồn thông tin này phản ánh tình hình, kết quả thực thi chính sách và pháp luật ở địa phương, cơ quan, đơn vị.
- + Nguồn thông tin này rất đa dạng và rất phong phú, thể hiện rất rõ tâm tư, nguyện vọng, mong muốn của cử tri gửi đến Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Xử lý và khai thác nguồn thông tin này như thế nào:

- + Phân loại thông tin.

+ Chú trọng sử dụng những thông tin làm rõ thêm những thông tin chính thống, thông tin hợp pháp mà đại biểu đã được cung cấp, hoặc thu thập được từ các nguồn, các kênh khác.

+ Phải xác định được cụ thể địa chỉ của thông tin: của cá nhân? của tổ chức, địa phương, đơn vị?

3.3 Thu thập và xử lý thông tin thu được từ các cơ quan truyền thông đại chúng

+ Từ các báo, đài hàng ngày; thu thập thông tin về dư luận xã hội.

+ Từ các tập san, tạp chí chuyên ngành.

+ Từ các chuyên gia, các nhà nghiên cứu.

3.4 Thu thập và xử lý thông tin thu được qua khai thác trên mạng Internet

“Công nghệ thông tin (tên tiếng Anh là Information Technology hay là IT) là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại-chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông-nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội”.

Mạng Internet có thể cung cấp thêm cho đại biểu thông tin rất phong phú, trên nhiều lĩnh vực ở trong nước và ngoài nước. Trong đó: các website của chính phủ, các bộ, ngành, địa phương có rất nhiều thông tin chính thống; các blog cá nhân và mạng xã hội cũng có nguồn thông tin đa dạng; các phương tiện kỹ thuật số trên mạng cung cấp nhiều dữ liệu bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh làm tăng độ phong phú của thông tin.

Phương pháp khai thác thông tin trên mạng Internet:

+ Xác định chuyên đề của thông tin bằng một từ khoá cụ thể.

+ Chọn công cụ tìm kiếm.

+ Tra từ khoá vào công cụ tìm kiếm để có trang web có tư liệu cần tìm.

+ Lướt web và lấy thông tin cần tìm.

+ Xử lý dữ liệu có được để hình thành thông tin mà đại biểu cần có.

+ Tùy vào trình độ ngoại ngữ của mình, đại biểu có thể vào những website tiếng nước ngoài để thu thập dữ liệu và tìm kiếm thông tin. Việc khai thác các website tiếng nước ngoài giúp cho đại biểu có thêm cơ sở phân tích, đối chiếu với thông tin đại biểu thu thập được ở trong nước.

3.5 Những điều cần lưu ý trong xử lý và sử dụng thông tin thu thập được từ truyền thông đại chúng và từ mạng Internet

- Dự luận xã hội chưa phải là thông tin hoàn chỉnh.
- Dự luận xã hội không thể làm căn cứ để ra quyết định.
- Không thể dùng dự luận xã hội như là một thông tin chính thức để tiến hành hoạt động chất vấn.
- Thông tin thu thập từ các trang web nước ngoài chỉ có giá trị tham khảo.

Một số lưu ý:

- Khi tiếp nhận thông tin, điều cần chú ý là nội dung và chất lượng thông tin như thế nào? không vì chỉ chú ý đến cá nhân hay tổ chức phản ánh tin mà xem nhẹ nội dung và chất lượng của thông tin.
- Trong thông tin thu thập được, điều cốt lõi là nội dung và chất lượng thông tin, tuyệt đối không được chỉ coi trọng ý kiến bình luận hay ý kiến phê phán lẫn trong thông tin.
- Khi tiến hành hoạt động giám sát cần thận trọng khi sử dụng những thông tin dự báo.

Trên đây là nội dung Chuyên đề “Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin phục vụ hoạt động giám sát và ra quyết định của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân”.

Cảm ơn sự quan tâm theo dõi của quý vị đại biểu./.

CHUYÊN ĐỀ

KỸ NĂNG QUYẾT ĐỊNH, GIÁM SÁT TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG CƠ BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

TS. Vũ Văn Họa
Nguyên Phó Tổng Kiểm toán nhà nước

I. KHÁI QUÁT VỀ CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

1. Một số khái niệm

1.1. Khái niệm xây dựng cơ bản

Xây dựng cơ bản được hiểu là các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội và các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế – xã hội. Xây dựng cơ bản là hoạt động có chức năng tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng các tài sản cố định có tổ chức sản xuất và không có tổ chức sản xuất các ngành kinh tế thông qua các hoạt động xây dựng mới, xây dựng mở rộng, xây dựng lại, hiện đại hóa hay khôi phục các tài sản cố định.

Đầu tư xây dựng cơ bản trong nền kinh tế quốc dân là một bộ phận của đầu tư phát triển. Đây chính là quá trình bỏ vốn để tiến hành các hoạt động xây dựng cơ bản nhằm tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng ra các tài sản cố định trong nền kinh tế. Do vậy đầu tư xây dựng cơ bản là tiền đề quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội của nền kinh tế nói chung và của các cơ sở sản xuất kinh doanh nói riêng. Đầu tư xây dựng cơ bản là hoạt động chủ yếu tạo ra tài sản cố định đưa vào hoạt động trong lĩnh vực kinh tế – xã hội, nhằm thu được lợi ích với nhiều hình thức khác nhau. Đầu tư XD CB trong nền kinh tế quốc dân được thông qua nhiều hình thức xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, hiện đại hoá hay khôi phục tài sản cố định cho nền kinh tế.

1.2. Khái niệm chi đầu tư XD CB

Chi đầu tư XD CB là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án theo các lĩnh vực sau: Quốc phòng; An ninh và trật tự, an toàn xã hội; Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Sự nghiệp khoa học và công nghệ; Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; Sự nghiệp văn hóa thông tin; Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn; Sự nghiệp thể dục thể thao; Sự nghiệp bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế; Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Ủy ban Mặt

trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật...

1.3. Hoạt động đầu tư công (trong đó có đầu tư XDCCB), bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

1.4. Kế hoạch đầu tư công (trong đó có đầu tư XDCCB), là một tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án ĐTC; cân đối nguồn vốn đầu tư công, phương án phân bổ vốn, các giải pháp huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

1.5. Nhiệm vụ quy hoạch là các hoạt động được thực hiện để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

1.6. Nợ đọng xây dựng cơ bản là giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có vốn bố trí cho phần khối lượng thực hiện đó.

2. Đặc điểm của đầu tư XDCCB

Đầu tư xây dựng cơ bản là một bộ phận của hoạt động đầu tư, đó là việc bỏ vốn để tiến hành các hoạt động xây dựng cơ bản nhằm tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng các tài sản cố định nhằm phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Đầu tư xây dựng cơ bản có những đặc điểm riêng biệt, đòi hỏi nhà quản lý phải nắm vững để đưa ra các quyết định quản lý phù hợp nhất, bao gồm:

- Đầu tư xây dựng cơ bản là hoạt động đòi hỏi lượng vốn lớn và nằm đọng lại trong suốt quá trình thực hiện đầu tư. Vì vậy, quản lý và cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải thiết lập các biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo tiền vốn được sử dụng đúng mục đích, trách ứ đọng và thất thoát vốn đầu tư, đảm bảo cho quá trình đầu tư xây dựng các công trình được thực hiện đúng theo kế hoạch và tiến độ đã được xác định.

- Đầu tư xây dựng cơ bản có tính chất lâu dài, thời gian để tiến hành một công cuộc đầu tư cho đến khi thành công của nó phát huy tác dụng thường đòi

hỏi nhiều năm tháng với nhiều biến động xảy ra. Vì vậy, các yếu tố thay đổi theo thời gian sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chẳng hạn: giá cả, lạm phát, lãi suất...

- Sản phẩm đầu tư xây dựng cơ bản là các công trình xây dựng gắn liền với đất XDCT. Vì vậy, mỗi công trình xây dựng có một địa điểm xây dựng và chịu sự chi phối bởi điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, khí hậu, thời tiết,... của nơi đầu tư xây dựng cơ bản, nơi đầu tư xây dựng cơ bản cũng chính là nơi đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Sản phẩm xây dựng cơ bản chủ yếu được sản xuất theo đơn đặt hàng. Chính vì vậy, quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải dựa vào dự toán chi phí đầu tư XDCT được xác định và phê duyệt trước khi thực hiện đầu tư XDCT.

- Sản phẩm đầu tư xây dựng cơ bản có tính đơn chiếc; mỗi hạng mục công trình, công trình có một thiết kế và dự toán riêng tùy thuộc vào mục đích đầu tư và điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, khí hậu, thời tiết,... của nơi đầu tư XDCT. Mục đích của đầu tư và các điều kiện trên quyết định đến quy hoạch, kiến trúc, quy mô và kết cấu khối lượng, quy chuẩn xây dựng, giải pháp công nghệ thi công... và dự toán chi phí đầu tư XDCT, hạng mục công trình. Vì vậy, quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước phải gắn với từng hạng mục công trình, công trình xây dựng nhằm quản lý chặt chẽ về chất lượng xây dựng và vốn đầu tư.

- Đầu tư xây dựng cơ bản được tiến hành trong tất cả ngành kinh tế quốc dân, các lĩnh vực kinh tế xã hội như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, xây dựng, y tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh... nên sản phẩm xây dựng cơ bản có nhiều loại hình công trình và mỗi loại hình công trình có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật riêng. Quản lý và cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải phù hợp với đặc điểm của từng loại hình công trình nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Đầu tư xây dựng cơ bản thường được tiến hành ngoài trời nên luôn chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thời tiết và lực lượng thi công XDCT thường xuyên phải di chuyển theo nơi phát sinh nhu cầu đầu tư XDCT. Quản lý và cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải thúc đẩy quá trình tổ chức hợp lý các yếu tố về nhân lực, máy móc thi công... nhằm giảm bớt lãng phí, thiệt hại về vật tư và tiền vốn trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình.

3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư XDCT

3.1. Quy hoạch

Quy hoạch xây dựng là một trong những yếu tố ảnh hưởng quan trọng trong xây dựng cơ bản. Nếu hoạt động quy hoạch không chuẩn hướng thì sẽ dễ dẫn đến lãng phí vốn đầu tư công trình, như quy hoạch các nhà máy đường, thép, điện, chợ đầu mối...

Quy hoạch xây dựng không chỉ ảnh hưởng đến xây dựng cơ bản mà còn liên quan đến xây dựng của tư nhân hay khu vực đầu tư nước ngoài. Vì vậy khi đã có quy hoạch xây dựng thì mọi thông tin cần chính xác và được thực hiện nghiêm ngặt theo kế hoạch đã đề ra.

3.2. Hệ thống chính sách pháp luật về đầu tư xây dựng

Hệ thống chính sách pháp luật ảnh hưởng không nhỏ đến xây dựng cơ bản, vì đầu tư xây dựng phải được thể chế hóa. Chính sách pháp luật là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động quy hoạch xây dựng cơ bản. Hệ thống pháp luật trong xây dựng cơ bản là gì

Nhiều điều luật trong hệ thống chính sách pháp luật có nhiều kẽ hở dẫn đến hoạt động tham nhũng, thất thoát nguồn đầu tư. Vì vậy, hệ thống chính sách pháp luật cần phải được xác thực và kết nối chặt chẽ với nhau tạo hiệu quả hoạt động.

3.3. Năng lực quản lý

Kỹ năng lãnh đạo và cơ cấu tổ chức cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của xây dựng cơ bản. Tổ chức bộ máy rất rộng từ những bước đầu tiên là quy hoạch xây dựng, chuẩn bị đầu tư và tổ chức thiết kế thi công, hạch toán xây dựng cơ bản.

Công tác quản lý trong ngành xây dựng cơ bản cũng tạo ra ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư. Nếu hệ thống quản lý của nhà nước kém với thủ tục rườm rà dẫn đến sự ảnh hưởng của chi phí đầu tư. Vì vậy, khi lựa chọn việc làm xây dựng thì yếu tố tính cách và kỹ năng mềm cũng rất quan trọng.

3.4. Môi trường cạnh tranh

Về cơ bản các công trình công cộng không mang tính cạnh tranh cao, vì khi lựa chọn thì nhà nước có thể lựa chọn vùng miền để đầu tư, song có rất nhiều ngành có sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế khác, nên mức cạnh tranh không hề nhỏ.

4. Trình tự đầu tư xây dựng

Trình tự đầu tư xây dựng có 03 giai đoạn gồm chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng, trừ trường hợp xây dựng nhà ở riêng lẻ. Việc phân chia dự án đầu tư xây dựng thành các dự án thành phần và phân kỳ đầu tư được quy định như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng được phân chia thành các dự án thành phần khi mỗi dự án thành phần có thể vận hành, khai thác độc lập. Các dự án thành phần sau khi phân chia được quản lý như đối với dự án độc lập. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, việc phân chia dự án thành phần được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Đối với các dự án còn lại, việc phân chia dự án thành phần do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án hoặc khi quyết định đầu tư xây dựng, bảo đảm các yêu cầu nêu tại quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc quy định của pháp luật có liên quan (nếu có), trừ trường hợp luật có quy định khác;

b) Việc phân kỳ đầu tư được thể hiện trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và quyết định đầu tư xây dựng, phù hợp với tiến độ, thời gian thực hiện dự án trong nội dung quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng.

Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, người quyết định đầu tư quyết định việc thực hiện tuân tự hoặc kết hợp, xen kẽ các công việc trong giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng.

II. KỸ NĂNG QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐND TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XDCB

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp trong lĩnh vực kinh tế - xã hội

1.1. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (trích Điều 19)

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền;

- Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật;

1.2. Theo Luật NSNN (trích Điều 30)

Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, bao gồm thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, thu viện trợ không hoàn lại, bảo đảm không thấp hơn dự toán thu ngân sách nhà nước được cấp trên giao;

- Dự toán thu NSDP, bao gồm các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%), thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

- Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ;

- Quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình:

+ Tổng số; chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; dự phòng ngân sách;

+ Dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình theo từng lĩnh vực;

+ Mức bổ sung cho ngân sách từng địa phương cấp dưới trực tiếp, gồm bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu.

- Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

- Quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện NSDP.

- Quyết định điều chỉnh dự toán NSDP trong trường hợp cần thiết.

- Giám sát việc thực hiện ngân sách đã được HĐND quyết định.

- Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật về tài chính - ngân sách của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch UBND cùng cấp và HĐND cấp dưới trực tiếp trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Quyết định danh mục các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của ngân sách cấp mình; quyết định chương trình, dự án đầu tư quan trọng của địa phương được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

1.3. Theo Luật Đầu tư công (trích Điều 62, 63)

Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP

- Trước ngày 05 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật ĐTC; riêng kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên của giai đoạn sau, căn cứ vào dự toán chi ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

- Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

- Căn cứ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

- Căn cứ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày HĐND các cấp ban hành nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn, Ủy ban nhân dân cùng cấp giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các đơn vị thực hiện, bao gồm tổng mức vốn, danh mục chương trình, dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án.

Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn NSDP

- Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

- Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

- Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

- Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư công năm sau cho các đơn vị thực hiện.

2. Yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng (trích Điều 51 Luật XD)

Dự án đầu tư xây dựng không phân biệt các loại nguồn vốn sử dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng.

- Có phương án công nghệ và phương án thiết kế xây dựng phù hợp.

- Bảo đảm chất lượng, an toàn trong xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng công trình, phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm cấp đủ vốn đúng tiến độ của dự án, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

- Tuân thủ quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kỹ năng quyết định của HĐND trong lĩnh vực đầu tư XD CB

3.1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XD CB của năm hiện hành

Căn cứ Nghị quyết của HĐND các cấp về kế hoạch đầu tư XD CB và tình hình thực tế của địa phương, UBND các cấp xây dựng báo cáo đánh giá về thực hiện Nghị quyết của HĐND về kế hoạch đầu tư XD CB năm hiện hành, bao gồm một số vấn đề cụ thể sau:

- Kết quả đạt được đến từng dự án cụ thể (phân tích, đánh giá từng dự án đạt, không đạt so sánh với kế hoạch và thực hiện năm trước. Chỉ rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan trong quản lý điều hành, quá trình chỉ đạo, lãnh đạo của từng cấp. Trên cơ sở đó rút ra các bài học kinh nghiệm, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với các tồn tại, hạn chế và vi phạm (nếu có).

- Việc thực hiện chương trình hành động, các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp...

- Việc bố trí vốn đầu tư XD CB của các ngành, lĩnh vực gắn với cơ cấu lại nền kinh tế...

- Việc huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng; giải ngân vốn đầu tư công, như: Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số...;

3.2. Quyết định kế hoạch đầu tư XD CB của năm kế hoạch

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về xây dựng kế hoạch phát triển KT – XH và dự toán NSNN năm kế hoạch; tình hình thực tế của địa phương, UBND các cấp xây dựng báo cáo về kế hoạch phát triển KT – XH và dự toán NSNN năm kế hoạch (trong đó có chi đầu tư XD CB), trình HĐND các cấp. Trên cơ sở bám sát các yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng và các

yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả dự án đầu tư XD CB (*quy hoạch, Hệ thống chính sách pháp luật về đầu tư xây dựng, năng lực quản lý và môi trường cạnh tranh*), HĐND thảo luận và quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (hoặc huyện hoặc xã) đến từng lĩnh vực (*Quốc phòng; An ninh và trật tự, an toàn xã hội; Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Sự nghiệp khoa học và công nghệ; Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; Sự nghiệp văn hóa thông tin; Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn; Sự nghiệp thể dục thể thao; Sự nghiệp bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế; Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật...*) và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới (huyện hoặc xã).

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT CỦA HĐND TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XD CB

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND trong hoạt động giám sát (*trích Điều 5, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân*)

- HĐND giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND cùng cấp; giám sát hoạt động của Thường trực HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và Ban của HĐND cấp mình; giám sát quyết định của UBND cùng cấp và nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp;

- Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và HĐND cấp dưới; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp, nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp; giúp Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân;

- Ban của Hội đồng nhân dân giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân

dân cùng cấp thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách;

- Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc về vấn đề do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương.

2. Các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân (trích Điều 57, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân)

- Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59 của Luật này.

- Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật này.

- Xem xét quyết định của UBND cùng cấp, nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp.

- Giám sát chuyên đề.

- Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

3. Giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng (trích Điều 8, Luật Xây dựng)

- Dự án đầu tư xây dựng phải được giám sát, đánh giá phù hợp với từng loại nguồn vốn như sau:

- + Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện giám sát, đánh giá theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng theo nội dung và tiêu chí đánh giá đã được phê duyệt;

- + Đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện giám sát, đánh giá về mục tiêu, sự phù hợp với quy hoạch liên quan, việc sử dụng đất, tiến độ đầu tư xây dựng và bảo vệ môi trường.

- Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng vốn đầu tư công, vốn đóng góp của cộng đồng và vốn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện giám sát của cộng đồng. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại khu vực xây dựng tổ chức thực hiện giám sát của cộng đồng.

4. Nội dung giám sát của HĐND trong lĩnh vực XD CB

Việc giám sát hoạt động đầu tư XD CB cần bám sát các nội dung sau:

(1) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, quận, huyện về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước ở địa phương, bao gồm:

- Tổng khối lượng vốn đầu tư từ ngân sách (Tổng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách; Vốn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu Quốc gia và các chương trình mục tiêu khác; Ngân sách để lại các khoản thu cho các tỉnh thành phố đầu tư; Các khoản vốn ngoài cân đối khác).

- Cơ cấu đầu tư, bao gồm cơ cấu đầu tư theo ngành, cơ cấu đầu tư theo địa bàn lãnh thổ của tỉnh, thành phố.

- Danh mục các dự án đầu tư, bao gồm việc bố trí vốn cho từng dự án; các dự án quan trọng của địa phương.

- Các cơ chế chính sách và các giải pháp thực hiện chương trình đầu tư.

(2) Giám sát quá trình chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm đã được HĐND thông qua, bao gồm: Quy hoạch đầu tư; Chủ trương đầu tư; Việc áp dụng và chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, của ngành và địa phương áp dụng đối với dự án; Việc chấp hành các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, tổng dự toán, dự toán; công tác đấu thầu; điều kiện khởi công xây dựng; việc bố trí kế hoạch huy động và sử dụng vốn của dự án; việc thực hiện tiến độ, tổ chức quản lý dự án; các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

(3) Giám sát chi phí tài chính, thanh quyết toán trong quá trình thực hiện dự án; đánh giá dựa vào kết quả đầu ra của dự án; bao gồm đánh giá hiệu quả kinh tế, tài chính; sức lan tỏa và mối tác động của dự án đầu tư trong việc thúc đẩy phát triển của vùng, của ngành; kết quả về xã hội. Đối chiếu nội dung và kết quả thực hiện đầu tư với quyết định ban đầu để thấy rõ những sai lệch, điều chỉnh các yếu tố của dự án trong quá trình thực hiện đầu tư.

(4) Giám sát việc thực hiện các cơ chế chính sách và giải pháp đã được Hội đồng nhân dân thông qua; tác động việc thực hiện các cơ chế chính sách về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đến chất lượng và hiệu quả công tác đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Kỹ năng giám sát của HĐND trong lĩnh vực đầu tư XD CB

- Lựa chọn lĩnh vực, danh mục dự án, chương trình thực hiện giám sát bao gồm: Công trình, dự án nóng, đang đặt ra; dự án mà cử tri, báo chí, các đại biểu HĐND quan tâm và yêu cầu; Những dự án có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Những dự án quản lý và sử dụng các nguồn lực kém hiệu quả; Những dự án có vướng mắc về cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện...

- Lựa chọn đối tượng, phạm vi giám sát cần phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện về thời gian, nhân lực, song cần ưu tiên các vấn đề quan trọng, cấp bách;

- Khảo sát dự án, công trình cần giám sát; lựa chọn chủ thể và các thành phần tham gia giám sát; Thu thập đầy đủ số liệu, tài liệu và các thông tin có liên quan đến nội dung giám sát;

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát;

- Tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quần chúng nhân dân...

- Đa dạng hóa các hình thức và hoạt động giám sát, như khảo sát thực tế, sử dụng chuyên gia, lấy ý kiến nhân dân, đối tượng thực hiện;

- Yêu cầu cơ quan thanh tra, kiểm tra cung cấp thông tin hoặc làm rõ các vấn đề mà đoàn giám sát yêu cầu;

- Nâng cao chất lượng của các báo cáo, kết luận giám sát. Đồng thời thực hiện tốt cơ chế hậu giám sát, nhằm ngăn chặn và xử lý vi phạm;

- Nâng cao chất lượng của các cơ quan tham mưu giúp việc; chất lượng đại biểu, nâng dần tỷ lệ đại biểu chuyên trách trong các cơ quan dân cử. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng cho đại biểu dân cử, cũng như xây dựng cơ chế, bảo vệ đối với đại biểu dân cử;

- Cơ chế, chính sách khen thưởng và điều kiện vật chất để thực hiện các hoạt động giám sát...

IV. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Các sai sót chủ yếu trong lĩnh vực XD CB mà địa phương, đơn vị mình thường xảy ra là gì? Giải pháp khắc phục.

2. Theo bạn việc quy định nợ đọng XD CB trong Luật ĐTC đã hợp lý và đầy đủ chưa? Giải pháp khắc phục.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Đầu tư công

2. Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước

3. Luật số 62/2020 hợp nhất với Luật Xây dựng số 50/2014
4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương
5. Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
6. Một số bài viết trên mạng...